



SAO Y
Ngày ... tháng ... năm.....

NGUYỄN VINH LỢI

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

American Auditing

MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 7
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
6 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1 CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 6000/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064091 ngày 15 tháng 01 năm 1998 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và số 0300756478 thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Hoạt động chính của công ty:

Sản xuất sơn, vécni và các chất sơn, quét tường tự; sản xuất mực in và ma tít. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Công ty có trụ sở chính tại: 414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU VÀ BÁN LẺ SẢN PHẨM

414 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

Lô A12b, Khu công nghiệp Hiệp Phước Đường Số 1, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội Đồng Quản Trị

Bà Trần Thị Bích Hằng	Chủ tịch
Ông Nghiêm Quốc Bình	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Huỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên
Ông Đinh Văn Hậu	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Mai Thị Minh Tâm	Trưởng Ban
Ông Phạm Minh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Sử Thái	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Bích Hằng	Tổng Giám Đốc
Ông Nghiêm Quốc Bình	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đinh Văn Hậu	Kế Toán Trưởng

3 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2015	Năm 2014
- Doanh thu thuần	453,141,338,985	395,713,648,400
- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	81,687,862,862	33,702,709,780

4 TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị Công ty rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc năm tài chính hiện hành đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

6 KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

7 PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Bích Hằng

Tổng Giám đốc



Số: 070/2015/BCKT-AA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT, được lập tại ngày 28 tháng 01 năm 2016, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2016

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



NGUYỄN VĂN LỢI

Phó Giám Đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0883-2015-070-1

TRẦN NGỌC HÙNG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1084-2013-070-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		154,088,957,270	105,549,170,987
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110		14,291,552,242	2,610,429,949
1. Tiền	111		14,291,552,242	2,610,429,949
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,194,522,823	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,194,522,823	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19,998,674,638	16,768,493,112
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		19,452,361,413	16,192,817,085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		311,396,500	395,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136		234,916,725	180,676,027
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		109,604,207,567	86,020,620,654
1. Hàng tồn kho	141		109,604,207,567	86,020,620,654
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	149,627,272
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	142,727,272
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	6,900,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210+220+240+250+260)	200		68,992,515,600	74,461,604,823
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		57,305,645,482	62,372,722,560
1. Tài sản cố định hữu hình	221		57,252,372,682	62,301,692,160
- Nguyên giá	222		103,336,938,957	102,275,318,236
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(46,084,566,275)	(39,973,626,076)

30245
CÔNG
TÁC NHÌ
KIỂM T
V I-T.P

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	53,272,800	71,030,400
- Nguyên giá	228	88,788,000	88,788,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(35,515,200)	(17,757,600)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	11,686,870,118	12,088,882,263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11,664,270,118	12,068,882,263
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	22,600,000	20,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	223,081,472,870	180,010,775,810

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		82,002,322,936	68,535,043,697
I. Nợ ngắn hạn	310		72,002,322,936	53,075,043,697
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		24,366,782,136	17,505,424,415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,641,604	8,162,404
3. Thuế và các khoản phải nộp của nhà nước	313		4,946,473,165	4,927,445,059
4. Phải trả người lao động	314		4,369,001,563	4,376,718,817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		10,390,468,158	8,409,869,058
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		5,000,000,000	13,343,721,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22,927,956,310	4,503,702,944
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10,000,000,000	15,460,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		10,000,000,000	15,460,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	141,079,149,934	111,475,732,113
I. Vốn chủ sở hữu	410	141,079,149,934	111,475,732,113
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	69,000,000,000	69,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	6,475,916,586	6,475,916,586
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	46,648,500,000	21,648,500,000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18,954,733,348	14,351,315,527
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	223,081,472,870	180,010,775,810

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	001	-	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008	-	-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016



Đinh Văn Hậu
Kế Toán Trưởng



Trần Thị Bích Hằng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		453,141,338,985	395,713,648,400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		453,141,338,985	395,713,648,400
4. Giá vốn hàng bán	11		338,941,617,698	329,880,046,922
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		114,199,721,287	65,833,601,478
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		276,489,110	10,389,466
7. Chi phí tài chính	22		2,230,874,822	3,221,872,005
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2,230,874,822	3,221,872,005
8. Chi phí bán hàng	24		3,775,608,184	2,601,768,570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26,781,864,529	26,317,640,589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		81,687,862,862	33,702,709,780
11. Thu nhập khác	31		52,364,160	2,287,000,000
12. Chi phí khác	32		2,122,563,927	69,771
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2,070,199,767)	2,286,930,229
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79,617,663,095	35,989,640,009
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		18,033,009,945	7,926,530,285
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		61,584,653,150	28,063,109,724
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		89,253	40,671

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016

Đinh Văn Hậu
Kế Toán TrưởngTrần Thị Bích Hằng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,610,429,949	391,112,878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		14,291,552,242	2,610,429,949

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Đinh Văn Hậu
Kế Toán Trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016

Trần Thị Bích Hằng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		162,216,625,955	123,410,104,489
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31,693,750,719)	(31,535,775,467)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29,524,920,500)	(23,349,973,000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2,230,874,822)	(3,181,898,672)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(18,346,902,083)	(9,316,978,620)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		528,614,936	470,778,882
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30,196,302,789)	(33,991,246,647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50,752,489,978	22,505,010,965
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,061,620,721)	(8,332,863,200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		81,966,287	10,389,466
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10,979,654,434)	(8,322,473,734)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,000,000,000	15,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24,803,721,000)	(21,360,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,287,992,251)	(5,603,220,160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28,091,713,251)	(11,963,220,160)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		11,681,122,293	2,219,317,071

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 6000/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064091 ngày 15 tháng 01 năm 1998 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và số 0300756478 thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Trụ sở, Cửa hàng giới thiệu sản phẩm và bán lẻ sản phẩm của Công ty được đặt tại số 414 Nơ Trang Long, phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà máy sản xuất của công ty được đặt tại Lô A12b Khu Công nghiệp Hiệp Phước, đường số 1, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

2 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2015, hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm sơn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành; và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5). Quyết định 100/2005/QĐ-BTC được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được soạn lập dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác với VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá từ việc quy đổi này sẽ được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí hoạt động tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ:

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được đánh giá lại chênh lệch tỷ giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo quy định của Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

3 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4 Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

5 Các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và được sử dụng thay thế cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009), cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ ngày 01/07/2013, đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	20 năm
Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7 năm
Súc vật, vườn cây lâu năm	
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính với thời gian khấu hao là năm (05) năm.

c. TSCĐ thuê tài chính

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính bao gồm giá trị hợp lý của tài sản thuê và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì ghi theo giá trị hiện tại.

Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ sự hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài chính được tính căn cứ vào tỷ lệ lãi suất ngầm định hoặc tỷ lệ lãi suất được ghi trong hợp đồng thuê hoặc tỷ lệ lãi suất biên đi vay của bên thuê.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê.

Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

7 Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- (ii) Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại mà doanh nghiệp đang sử dụng.

8 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị góp vốn được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp nhận trong biên bản góp vốn.

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức:

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát phản ánh trên tài khoản "Vốn góp liên doanh là Giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng vật tư, hàng hóa

Nếu giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. Phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại vật tư, hàng hóa tương ứng với lợi ích của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bán số vật tư, hàng hóa cho bên thứ ba độc lập, khoản doanh thu chưa thực hiện này được kết chuyển vào thu nhập khác.

Nếu giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào chi phí khác.

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng tài sản cố định

Nếu giá đánh giá lại của TSCĐ cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. Phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại TSCĐ tương ứng với phần vốn góp của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Hàng năm, khoản doanh thu chưa thực hiện này (lãi do đánh giá lại TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh) được phân bổ dần vào thu nhập khác theo thời gian sử dụng hữu ích dự kiến của tài sản cố định đem đi góp vốn liên doanh.

Nếu giá đánh giá lại của TSCĐ thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận ngay vào chi phí khác trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Khi thu hồi vốn góp liên doanh vào sở sở kinh doanh đồng kiểm soát, căn cứ vào giá trị vật tư, tài sản và tiền do liên doanh trả lại để ghi giảm số vốn đã góp. Nếu bị thiệt hại do không thu hồi đủ vốn góp thì khoản thiệt hại này được ghi nhận là một khoản chi phí tài chính. Nếu giá trị thu hồi cao hơn số vốn đã góp thì khoản lãi này được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Lợi nhuận từ kết quả đầu tư góp vốn liên doanh vào cơ sở đồng kiểm soát là khoản doanh thu hoạt động tài chính và được phản ánh vào bên Có Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính". Số lợi nhuận chia cho các bên tham gia liên doanh có thể được thanh toán toàn bộ hoặc thanh toán từng phần theo mỗi kỳ kế toán và cũng có thể giữ lại để bổ sung vốn góp liên doanh nếu các bên tham gia liên doanh chấp thuận.

Các khoản chi phí về hoạt động liên doanh phát sinh được phản ánh vào bên Nợ TK 635 "Chi phí tài chính".

Các bên góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn góp của mình trong liên doanh. Trường hợp giá trị chuyển nhượng cao hơn số vốn đã góp vào liên doanh thì chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn được phản ánh vào bên Có TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính". Ngược lại, nếu giá trị chuyển nhượng thấp hơn số vốn đã góp thì chênh lệch lỗ do chuyển nhượng vốn được phản ánh vào bên Nợ TK 635 "Chi phí tài chính".

Đối với cơ sở đồng kiểm soát, khi chuyển nhượng phần vốn giữa các bên tham gia liên doanh thì các chi phí liên quan đến hoạt động chuyển nhượng của các bên không hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp mà chỉ theo dõi chi tiết nguồn vốn góp và làm thủ tục chuyển đổi tên chủ sở hữu trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư.

Đối với bên liên doanh hoặc đối tác khác mua lại phần vốn góp của các bên khác trong liên doanh, thì phản ánh phần vốn góp vào liên doanh theo giá thực tế mua (giá mua phần vốn góp này có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị sổ sách của phần vốn góp được chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện việc chuyển nhượng).

Kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản vốn góp liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo từng đối tác, từng lần góp và từng khoản vốn đã thu hồi, chuyển nhượng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV)

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoản thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ. Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

a. Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng hoặc không quá 2 lần: 50% khi xuất dùng và 50% khi bảo hỏng.

d. Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của tiền thuê đất trả trước bao gồm tổng số tiền thuê đất đã thanh toán cho bên cho thuê và các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc thuê đất. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là thời gian thuê đất ghi nhận trên hợp đồng thuê đất hoặc thời gian thuê đất ghi nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

12 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản

14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (ii) DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng;
- (v) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

c. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (ii) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (iii) Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- (iv) Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

d. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (i) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- (i) Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- (ii) Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- (iii) Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- (iv) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

(i) **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp):** Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

(ii) **Thuế thu nhập hiện hành:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế của Công ty.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(iii) **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:** Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt tại quỹ	166,561,972	224,928,626
Tiền gửi ngân hàng (*)	14,124,990,270	2,385,501,323
Các khoản tương đương tiền (**)	-	-
Tổng cộng	14,291,552,242	2,610,429,949

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam (VND)	14,124,990,270	2,385,501,323
Ngân hàng Công Thương- CN 7	105,900,392	312,005,610
Quỹ đầu tư PTĐT	-	28,183,736
SINHAN BANK VIETNAM	33,317,185	24,549,978
Ngân hàng Á Châu	13,985,772,693	2,020,761,999
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (USD)	-	-
Tổng cộng	14,124,990,270	2,385,501,323

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền gửi có kỳ hạn	10,194,522,823	-
Tổng cộng	10,194,522,823	-

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
a. Phải thu khách hàng	19,452,361,413	16,192,817,085
Công ty TNHH Song Hà	262,192,221	653,399,196
Công ty TNHH TM DV Tân Khánh Lộc	2,929,365,940	2,857,283,212
Công ty TNHH TM Đạt Huê	5,376,390,493	4,995,293,644
Công ty TNHH TM Sản xuất S.T.T	1,848,521,482	2,718,031,709
Công ty TNHH TM Vận Tải Quang Huy	3,390,448,890	465,793,425
Công ty TNHH TM DV Nguyễn Mạnh	5,520,330,734	4,453,015,899
Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức	72,945,240	50,000,000
Công ty Tôn Đông Á	52,166,413	-
b. Trả trước nhà cung cấp	311,396,500	395,000,000
Công ty TNHH TM Tân Việt Hoa	276,396,500	120,000,000
CTy TNHH TM và DV PCCC Tân Tân Cảng		240,000,000
Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ	35,000,000	35,000,000
c. Phải thu khác	234,916,725	180,676,027
Chi phí lập bản vẽ nhà 414 Nơ Trang Long	32,872,300	32,872,300
Nộp thừa bảo hiểm xã hội	109,544,425	55,303,727
Phải thu khác (các chi phí khác)	92,500,000	92,500,000
Tổng cộng	19,998,674,638	16,768,493,112
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	-	-
Giá trị thuần phải thu thương mại và phải thu khác	19,998,674,638	16,768,493,112

4 Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Hàng đang chuyển	-	-
Nguyên vật liệu	74,035,238,504	47,773,521,235
Công cụ dụng cụ	134,693,077	211,898,073
Chi phí SXKD dở dang	9,184,153,440	10,663,465,519
Thành phẩm	26,250,122,546	27,371,735,827
Tổng cộng	109,604,207,567	86,020,620,654
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	109,604,207,567	86,020,620,654

5 Tài sản ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế GTGT được khấu trừ	0	142,727,272
Tạm ứng	-	6,900,000
Tổng cộng	0	149,627,272

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

Mẫu số B 09-DN

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

- 6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Xem phụ lục)
 7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính
 8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền máy tính	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ					
Số đầu năm	-	-	88,788,000	-	88,788,000
- Mua trong năm					-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối năm	-	-	88,788,000	-	88,788,000
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm			17,757,600	-	17,757,600
- Khấu hao trong năm			17,757,600		17,757,600
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối năm	-	-	35,515,200	-	35,515,200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	-	-	71,030,400	-	71,030,400
Số cuối năm	-	-	53,272,800	-	53,272,800

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<i>Tổng cộng</i>	-	-

10 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<i>Tổng cộng</i>	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (***)	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	-	-

12 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối năm
Thuê đất KCN Hiệp Phước	12,017,732,854	-	353,462,736	11,664,270,118
TSCĐ chuyển thành CCDC	51,149,409	-	51,149,409	-
Tổng cộng	12,068,882,263	-	404,612,145	11,664,270,118

13 Tài sản dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Kí quỹ, kí cược dài hạn	22,600,000	20,000,000
<i>Tổng cộng</i>	22,600,000	20,000,000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngân hàng	5,000,000,000	5,000,000,000
Ngân hàng Shinhan	5,000,000,000	5,000,000,000
Vay đối tượng khác	-	2,000,000,000
Vay cá nhân	-	2,000,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6,343,721,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính TP.HCM	-	6,343,721,000
Tổng cộng	5,000,000,000	13,343,721,000

15 Phải trả nhà cung cấp

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
a. Phải trả người bán	24,366,782,136	17,505,424,415
Nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư, dịch vụ	24,366,782,136	17,505,424,415
b. Người mua trả tiền trước	1,641,604	8,162,404
Khách hàng mua hàng của Công ty	1,641,604	8,162,404
Tổng cộng	24,368,423,740	17,513,586,819

16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế GTGT phải nộp	576,347,966	896,691,937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,070,516,911	3,384,409,049
Thuế thu nhập cá nhân	1,299,608,288	646,344,073
Tổng cộng	4,946,473,165	4,927,445,059

17 Chi phí phải trả

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tổng cộng	-	-

18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Kinh phí công đoàn	163,828,558	122,218,458
Bảo hiểm y tế	3,650,600	3,650,600
Cổ tức phải trả cổ đông	10,216,000,000	8,284,000,000
Khác	6,989,000	-
Tổng cộng	10,390,468,158	8,409,869,058

19 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngân hàng	-	-
Vay đối tượng khác	10,000,000,000	15,460,000,000
Cá nhân	10,000,000,000	15,460,000,000
Tổng cộng	10,000,000,000	15,460,000,000

- Vay dài hạn cá nhân gồm 35 hợp đồng với lãi suất là 1,5%/tháng, không có thế chấp tài sản và đều có thời hạn là 60 tháng (5 năm) trong đó có 28 hợp đồng đến hạn trả trong năm 2014, 6 hợp đồng sẽ đến hạn trả trong năm 2015 và 1 hợp đồng sẽ đến hạn trả trong năm 2017.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

20 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<i>Tổng cộng</i>	-	-

21 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục)

b. Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	24,150,000,000	35.00%
Vốn góp của đối tượng khác	44,850,000,000	65.00%
<i>Tổng cộng</i>	69,000,000,000	100.00%

c. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

- Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu phổ thông

- Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu ưu đãi

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	-	-

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đã mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	690,000	690,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	690,000	690,000
- Cổ phiếu phổ thông	690,000	690,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	690,000	690,000
- Cổ phiếu phổ thông	690,000	690,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100,000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	448,713,568,004	391,685,262,044
Doanh thu khác	4,427,770,981	4,028,386,356
<i>Tổng cộng</i>	453,141,338,985	395,713,648,400

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<i>Tổng cộng</i>	-	-

3 Giá vốn hàng bán

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	334,513,846,717	325,851,660,566
Giá vốn khác	4,427,770,981	4,028,386,356
<i>Tổng cộng</i>	338,941,617,698	329,880,046,922

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

4 Doanh thu hoạt động tài chính		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi ngân hàng		276,489,110	10,389,466
Cổ tức, lợi nhuận được chia		-	-
Tổng cộng		276,489,110	10,389,466
5 Chi phí hoạt động tài chính		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi vay		2,230,874,822	3,221,872,005
Chi phí hoạt động tài chính khác		-	-
Tổng cộng		2,230,874,822	3,221,872,005
6 Chi phí bán hàng		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên		2,938,810,300	2,052,104,754
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ		163,588,000	201,938,000
Chi phí khấu hao TSCĐ		83,106,156	83,106,156
Chi phí dịch vụ mua ngoài		342,289,094	161,564,566
Chi phí bằng tiền khác		247,814,634	103,055,094
Tổng cộng		3,775,608,184	2,601,768,570
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên		21,745,937,000	20,639,921,483
Chi phí đồ dùng văn phòng		235,999,394	606,122,985
Chi phí khấu hao TSCĐ		306,742,335	307,272,312
Thuế, phí và lệ phí		2,166,516,736	2,166,516,736
Chi phí dịch vụ mua ngoài		555,359,517	813,633,680
Chi phí bằng tiền khác		1,771,309,547	1,784,173,393
Tổng cộng		26,781,864,529	26,317,640,589
8 Thu nhập khác		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác		52,364,160	2,287,000,000
Tổng cộng		52,364,160	2,287,000,000
9 Chi phí khác		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí khác		2,122,563,927	69,771
Tổng cộng		2,122,563,927	69,771
10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79,617,663,095	35,989,640,009
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</i>			
- Các khoản điều chỉnh tăng		2,350,563,927	40,043,104
- Các khoản điều chỉnh giảm (lỗ năm trước chuyển sang)		-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		81,968,227,022	36,029,683,113
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		18,033,009,945	7,926,530,285
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		18,033,009,945	7,926,530,285

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	61,584,653,150	28,063,109,724
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	61,584,653,150	28,063,109,724
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	690,000	690,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	89,253	40,671

12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	350,516,194,505	338,678,478,228
Chi phí nhân công	13,464,366,000	10,989,827,002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,110,940,199	5,309,854,547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,683,339,622	3,495,922,089
Chi phí bằng tiền khác	2,713,443,381	3,227,762,225
Tổng cộng	376,488,283,707	361,701,844,091

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Khấu hao TSCĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Khấu hao TSCĐ hữu hình	6,110,940,199	5,682,475,415
Khấu hao TSCĐ vô hình	17,757,600	17,757,600
Tổng cộng	6,128,697,799	5,700,233,015

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

3 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,291,552,242	2,610,429,949
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	19,998,674,638	16,768,493,112
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	10,194,522,823	-
Cộng	44,484,749,703	19,378,923,061
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	15,000,000,000	28,803,721,000
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	24,368,423,740	17,513,586,819
Các khoản nợ tài chính khác	42,633,899,196	22,217,735,878
Cộng	82,002,322,936	68,535,043,697
Trạng thái ròng	(37,517,573,233)	(49,156,120,636)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và Rủi ro về giá khác.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số rất ít tiền bằng Đô la Mỹ (USD) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lại suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng / giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
SỐ CUỐI NĂM			
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	5,000,000,000	10,000,000,000	15,000,000,000
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	24,368,423,740	-	24,368,423,740
Các khoản nợ tài chính khác	42,633,899,196		42,633,899,196
Cộng	72,002,322,936	10,000,000,000	82,002,322,936
SỐ ĐẦU NĂM			
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	13,343,721,000	15,460,000,000	28,803,721,000
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	17,513,586,819	-	17,513,586,819
Các khoản nợ tài chính khác	22,217,735,878		22,217,735,878
Cộng	53,075,043,697	15,460,000,000	68,535,043,697

Tài sản tài chính

SỐ CUỐI NĂM			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,291,552,242	-	14,291,552,242
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	19,998,674,638	-	19,998,674,638
Các khoản đầu tư tài chính	10,194,522,823	-	10,194,522,823
Cộng	44,484,749,703	-	44,484,749,703
SỐ ĐẦU NĂM			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,610,429,949	-	2,610,429,949
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	16,768,493,112	-	16,768,493,112
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
Cộng	19,378,923,061	-	19,378,923,061

4 Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ và năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

5 Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
a. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	30.93%	41.37%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	69.07%	58.63%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	36.76%	38.07%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	63.24%	61.93%
b. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2.14	1.99
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.62	0.37
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

c. Tỷ suất sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	17.57%	9.09%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	13.59%	7.09%

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản	35.69%	19.99%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	27.61%	15.59%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	43.65%	25.17%



Đinh Văn Hậu
Kế Toán Trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016

Trần Thị Bích Hằng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SON BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	70,035,605,214	26,155,331,704	5,357,704,256	159,784,295	102,275,318,236
- Mua trong năm	348,181,817	139,031,040	574,407,864	-	1,061,620,721
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm theo thông tư 45	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	70,383,787,031	26,294,362,744	5,932,112,120	159,784,295	103,336,938,957
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	21,822,967,122	14,855,451,454	2,689,128,014	89,897,554	39,973,626,076
- Khấu hao trong năm	3,812,221,832	1,668,109,259	577,873,536	23,598,924	6,110,940,199
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm theo thông tư 45	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	25,635,188,954	16,523,560,713	3,267,001,550	113,496,478	46,084,566,275
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Số đầu năm	48,212,638,092	11,299,880,250	2,668,576,242	69,886,741	62,301,692,160
- Số cuối năm	44,748,598,077	9,770,802,031	2,665,110,570	46,287,817	57,252,372,682

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

PHỤ LỤC 02: VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu:

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	34,500,000,000	6,475,916,586	46,200,000,000	11,054,982,580	98,230,899,166
Tăng vốn trong năm trước	34,500,000,000	-	-	-	34,500,000,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	28,063,109,724	28,063,109,724
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	9,948,500,000	(9,948,500,000)	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-
Kết chuyển tăng vốn cổ phần	-	-	(34,500,000,000)	-	(34,500,000,000)
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	(14,818,276,777)	(14,818,276,777)
Số dư cuối năm trước	69,000,000,000	6,475,916,586	21,648,500,000	14,351,315,527	111,475,732,113
Số dư đầu năm nay	69,000,000,000	6,475,916,586	21,648,500,000	14,351,315,527	111,475,732,113
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	61,584,653,150	61,584,653,150
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	25,000,000,000	(25,000,000,000)	-
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	(31,981,235,329)	(31,981,235,329)
Số dư cuối năm nay	69,000,000,000	6,475,916,586	46,648,500,000	18,954,733,348	141,079,149,934



Số: 0101/2016/UQ-AA

TPHCM, ngày 01 tháng 01 năm 2016

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v Ủy quyền cho Phó Giám đốc Nguyễn Vĩnh Lợi.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2016, tại văn phòng Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ, chúng tôi gồm có:

Người ủy quyền : Ông Lê Văn Thanh

Chức vụ : Chủ tịch/Giám đốc

Người được ủy quyền : Ông Nguyễn Vĩnh Lợi

Chức vụ : Phó Giám đốc

Chủ tịch/Giám đốc Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc những việc sau:

1. Phó Giám đốc được toàn quyền trong việc ký Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

2. Được toàn quyền trong việc ký các Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có thông báo mới.



Đại diện Bên Ủy quyền

Lê Văn Thanh